QUYẾT ĐỊNH SỐ 2/2024
CỦA ỦY BAN THƯƠNG MẠI

16/1/2024

Sửa đổi Phụ lục II của Nghị định thư số 1 liên quan đến định nghĩa về khái niệm "hàng hóa có xuất xứ" và phương thức hợp tác hành chính

РЕШЕНИЕ № 2/2024
НА КОМИТЕТА ПО ТЪРГОВИЯТА

16/1/2024

за изменение на приложение II към протокол 1
относно определението на понятието „продукти с произход“
и методите на административно сътрудничество

ROZHODNUTÍ VÝBORU PRO OBCHOD č. 2/2024

16/1/2024

kterým se mění příloha II protokolu 1
o definici pojmu „původní produkty“ a metodách správní spolupráce

AFGØRELSE nr. 2/2024
TRUFFET AF HANDELSUDVALGET

16/1/2024

om ændring af bilag II til protokol 1
om definition af begrebet "produkter med oprindelsesstatus"
og metoder for administrativt samarbejde

BESCHLUSS Nr. 2/2024
DES HANDELSAUSSCHUSSES

16/1/2024

zur Änderung von Anhang II
des Protokolls Nr. 1 über die Bestimmung des Begriffs
„Erzeugnisse mit Ursprung in" oder „Ursprungserzeugnisse"
und über die Methoden der Zusammenarbeit der Verwaltungen

ΑΠΟΦΑΣΗ αριθ. 2/2024
ΤΗΣ ΕΠΙΤΡΟΠΗΣ ΕΜΠΟΡΙΟΥ

16/1/2024

για την τροποποίηση του παραρτήματος ΙΙ του πρωτοκόλλου 1,
σχετικά με τον ορισμό της έννοιας «καταγόμενα προϊόντα»
και τις μεθόδους διοικητικής συνεργασίας

DECISION No 2/2024
OF THE TRADE COMMITTEE

16/1/2024

amending Annex II to Protocol 1,
concerning the definition of the concept of 'originating products'
and methods of administrative cooperation

DECISIÓN N.º 2/2024
DEL COMITÉ DE COMERCIO

16/1/2024

por la que se modifica el anexo II del Protocolo 1,
relativo a la definición del concepto de «productos originarios»
y a los métodos de cooperación administrativa

KAUBANDUSKOMITEE
OTSUS NR 2/2024,
16/1/2024

mõiste „päritolustaatusega tooted“ määratlust ja halduskoostöö viise käsitleva 1. protokolli II lisa muutmise kohta

KAUPPAKOMITEAN
PÄÄTÖS N:o 2/2024,
16/1/2024

käsitteen ”alkuperätuotteet” määrittelystä ja hallinnollisen yhteistyön menetelmistä tehdyn pöytäkirjan 1 liitteen II muuttamisesta

DÉCISION N° 2/2024
DU COMITÉ "COMMERCE"
16/1/2024

modifiant l'annexe II du protocole 1 concernant la définition de la notion de "produits originaires" et les méthodes de coopération administrative

ODLUKA BR. 2/2024
ODBORA ZA TRGOVINU
16/1/2024

o izmjeni Priloga II. Protokolu 1. o definiciji pojma „proizvodi s podrijetlom” i načinima administrativne suradnje

A KERESKEDELMI BIZOTTSÁG
2/2024 HATÁROZATA

16/1/2024

az 1. jegyzőkönyv II. mellékletének
a „származó termék" fogalmának meghatározása és
az igazgatási együttműködés módszerei tekintetében történő módosításáról

DECISIONE N. 2/2024
DEL COMITATO PER IL COMMERCIO

16/1/2024

che modifica l'allegato II del protocollo 1,
relativo alla definizione della nozione di "prodotti originari"
e ai metodi di cooperazione amministrativa

PREKYBOS KOMITETO
SPRENDIMAS Nr. 2/2024

16/1/2024

kuriuo iš dalies keičiamas 1 protokolo „Dėl sąvokos „kilmės statusą turintys produktai"
apibrėžties ir administracinio bendradarbiavimo metodų"
II priedas

TIRDZNIECĪBAS KOMITEJAS LĒMUMS Nr. 2/2024

16/1/2024

ar ko groza II pielikuma 1. protokolu attiecībā uz
jēdziena "noteiktas izcelsmes ražojumi" definīciju un
administratīvās sadarbības metodēm

DEĊIŻJONI Nru 2/2024
TAL-KUMITAT GĦALL-KUMMERĊ

16/1/2024

li temenda l-Anness II tal-Protokoll 1,
dwar id-definizzjoni tal-kunċett ta' "prodotti li joriġinaw"
u l-metodi ta' kooperazzjoni amministrattiva

BESLUIT NR. 2/2024
VAN HET HANDELSCOMITÉ

16/1/2024

tot wijziging van bijlage II bij Protocol 1
betreffende de definitie van het begrip "producten van oorsprong" en
methoden van administratieve samenwerking

DECYZJA nr 2/2024
KOMITETU DS. HANDLU

16/1/2024

w sprawie zmiany załącznika II
do protokołu 1 dotyczącego definicji pojęcia „produkty pochodzące"
oraz metod współpracy administracyjnej

DECISÃO N.º 2/2024
DO COMITÉ DE COMÉRCIO

16/1/2024

que altera o anexo II do Protocolo n.º 1
relativo à definição da noção de «produtos originários»
e aos métodos de cooperação administrativa

DECIZIA NR. 2/2024
A COMITETULUI PENTRU COMERȚ

16/1/2024

de modificare a anexei II la Protocolul 1
privind definiția noțiunii de „produse originare"
și metodele de cooperare administrativă

ROZHODNUTIE VÝBORU PRE OBCHOD
č. 2/2024

16/1/2024

ktorým sa mení príloha II k Protokolu 1 o vymedzení pojmu „pôvodné výrobky"
a metód administratívnej spolupráce

SKLEP št. 2/2024
ODBORA ZA TRGOVINO

16/1/2024

o spremembi Priloge II k Protokolu 1
o opredelitvi pojma „izdelki s poreklom"
in načinih upravnega sodelovanja

BESLUT nr 2/2024
AV HANDELSKOMMITTÉN

16/1/2024

om ändring av bilaga II till protokoll 1
om definition av begreppet *ursprungsprodukter*
och om metoder för administrativt samarbete

ỦY BAN THƯƠNG MẠI,

Liên quan đến Hiệp định Thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, và cụ thể tại Điều 36(1) Nghị định thư số 1 và điểm (c) Điều 17.1(3) của Hiệp định này,

Xét rằng:

(1) Điều 36(1) Nghị định thư số 1 của Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ("Hiệp định") quy định rằng Ủy ban Hải quan có thể rà soát các quy định của Nghị định thư số 1 và trình đề xuất quyết định sửa đổi Nghị định thư số 1 và quyết định này sẽ được Ủy ban Thương mại thông qua.

(2) Điều 17.4(1) của Hiệp định quy định rằng Ủy ban Thương mại có thể thông qua các quyết định ràng buộc nếu được quy định trong Hiệp định.

(3) Các sửa đổi đã được đưa ra vào ngày 01 tháng 01 năm 2017 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2022 liên quan đến biểu danh mục hàng hóa quy định bởi Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa ('HS'). Các Bên tham gia Hiệp định đã đồng ý sửa đổi Phụ lục II của Nghị định thư số 1 bao gồm danh mục các công đoạn gia công hoặc chế biến cần thiết để phản ánh các sửa đổi đối với HS.

(4) Không có điều kiện nào trong Phụ lục II của Nghị định thư số 1 để coi các sản phẩm dệt kim hoặc móc thuộc Nhóm 6212 là được gia công hoặc chế biến đầy đủ. Quy tắc của Chương 62 trong Phụ lục II của Nghị định thư số 1 không thể áp dụng được cho các sản phẩm này do quy định này chỉ áp dụng được đối với các sản phẩm không dệt kim hoặc móc. Vì vậy, cần bổ sung một quy tắc cụ thể cho các sản phẩm dệt kim hoặc móc thuộc Nhóm 6212.

(5) Công đoạn gia công hoặc chế biến cần thiết đối với các sản phẩm được phân loại tại Chương 41 trong Phụ lục II của Nghị định thư số 1 sẽ được thêm vào cột liên quan trong Phụ lục đó.

(6) Từ "đơn lẻ" trong điều kiện thứ ba và thứ tư của công đoạn gia công hoặc chế biến cần thiết đối với các sản phẩm được phân loại tại Chương 19 trong Phụ lục II của Nghị định thư số 1 có thể được diễn giải khác nhau liên quan đến hàm lượng nguyên liệu của Chương 4 và hàm lượng đường. Để làm rõ quy tắc, từ "đơn lẻ" sẽ được xóa trong cả hai trường hợp.

(7) Đối với các sản phẩm dệt may được phân loại tại Chương 62 trong Phụ lục II của Nghị định thư số 1, cần bổ sung tham chiếu đến tỷ lệ linh hoạt tại cột về các tiêu chí lựa chọn công đoạn gia công hoặc chế biến cần thiết.

(8) Do đó, Phụ lục II của Nghị định thư số 1 của Hiệp định cần được sửa đổi,

ĐÃ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH NÀY:

Điều 1

Phụ lục II của Nghị định thư số 1 của Hiệp định được sửa đổi như quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Quyết định này được lập thành hai bản bằng các ngôn ngữ Bun-ga-ri, Crô-a-ti-a, Séc, Đan Mạch, Hà Lan, Anh, E-xtô-ni-a, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hung-ga-ri, Ý, Lát-vi-a, Lít-va, Man-ta, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Ru-ma-ni, Xlô-va-ki-a, Xlô-ven-nia, Tây Ban Nha, Thụy Điển và Việt Nam, mỗi bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

КОМИТЕТЪТ ПО ТЪРГОВИЯТА,

Като взе предвид Споразумението за свободна търговия между Европейския съюз и Социалистическа република Виетнам, и по-специално член 36, параграф 1 от протокол 1 от него и член 17.1, параграф 3, буква в) от него,

като има предвид, че:

(1) В член 36, параграф 1 от протокол 1 към Споразумението за свободна търговия между Европейския съюз и Социалистическа република Виетнам (наричано по-долу„Споразумението“) се предвижда, че Комитетът по митническите въпроси може да преразгледа разпоредбите на протокол 1 и да представи предложение за решение за изменение на протокол 1, което следва да бъде прието от Комитета по търговията.

(2) В член 17.4, параграф 1 от Споразумението се предвижда, че Комитетът по търговията може да приема обвързващи решения, когато това е предвидено в Споразумението.

(3) В номенклатурата, основана на Конвенцията за Хармонизирана система за описание и кодиране на стоките (ХС), бяха внесени изменения на 1 януари 2017 г. и 1 януари 2022 г. Страните по Споразумението се споразумяха да изменят приложение II към протокол 1, съдържащо списъка на изискваните операции по обработка или преработка, за да бъдат отразени измененията на ХС.

(4) В приложение II към протокол 1 няма условие продуктите от позиция 6212, трикотажни или плетени, да се считат за достатъчно обработени или преработени. Правилото на глава 62 в приложение II към протокол 1 не следва да се прилага за тези продукти, тъй като се ограничава до продукти, „различни от трикотажните или плетените“. Поради това следва да се добави специално правило за трикотажните или плетените продукти от позиция 6212.

(5) Изискваната обработка или преработка на продуктите, класирани в глава 41 в приложение II към протокол 1, следва да се добави в съответната колона в посоченото приложение.

(6) Думата „отделните“ в третото и четвъртото условие за изискваната обработка или преработка на продуктите, класирани в глава 19 в приложение II към протокол 1, би могло да се тълкува по различен начин по отношение на съдържанието на материалите от глава 4 и съдържанието на захар. За да се изясни правилото, думата „отделните“ следва да бъде заличена и в двата случая.

(7) В различните алтернативни правила в колоната за изискваната обработка или преработка следва да бъде посочено допустимото отклонение за текстилните продукти, класирани в глава 62 вприложение II към протокол 1 .

(8) Поради това приложение II към протокол 1 към Споразумението следва да бъде изменено,

ПРИЕ НАСТОЯЩОТО РЕШЕНИЕ:

Член 1

Приложение II към протокол 1 към Споразумението се изменя съгласно приложението към настоящото решение.

Член 2

Настоящото решение влиза в сила на 1 януари 2024 г.

Съставено в два еднообразни екземпляра на английски, български, гръцки, датски, естонски, испански, италиански, латвийски, литовски, малтийски, немски, нидерландски, полски, португалски, румънски, словашки, словенски, унгарски, фински, френски, хърватски, чешки и виетнамски език, като текстовете на всички езици са еднакво автентични.

VÝBOR PRO OBCHOD,

s ohledem na Dohodu o volném obchodu mezi Evropskou unií a Vietnamskou socialistickou republikou, a zejména na čl. 36 odst. 1 protokolu 1 a čl. 17.1 odst. 3 písm. c) této dohody,

vzhledem k těmto důvodům:

(1) V čl. 36 odst. 1 protokolu 1 Dohody o volném obchodu mezi Evropskou unií a Vietnamskou socialistickou republikou (dále jen „dohoda“) se stanoví, že Výbor pro celní záležitosti je oprávněn přezkoumávat ustanovení protokolu 1 a podat návrh na rozhodnutí o jeho změně, které má přijmout Výbor pro obchod.

(2) V čl. 17.4 odst. 1 dohody se stanoví, že Výbor pro obchod je oprávněn přijímat závazná rozhodnutí, jak předpokládá dohoda.

(3) Dne 1. ledna 2017 a dne 1. ledna 2022 byly zavedeny změny s ohledem na nomenklaturu, která je upravena Mezinárodní úmluvou o harmonizovaném systému popisu a číselného označování zboží (dále jen „HS“). Strany dohody se dohodly na změně přílohy II protokolu 1 obsahující seznam požadovaného opracování nebo zpracování tak, aby odrážela změny HS.

(4) V příloze II protokolu 1 není stanovena žádná podmínka pro to, aby pletené nebo háčkované výrobky čísla 6212 byly považovány za dostatečně opracované nebo zpracované. Pravidlo kapitoly 62 v příloze II protokolu 1 nelze na tyto výrobky použít, neboť je omezeno na výrobky „jiné než pletené nebo háčkované“. Proto by mělo být doplněno zvláštní pravidlo pro pletené nebo háčkované výrobky čísla 6212.

(5) Do příslušného sloupce přílohy II protokolu 1 řádků týkajících se produktů zařazených do kapitoly 41 v uvedené příloze by mělo být doplněno požadované opracování nebo zpracování.

(6) Výraz „individuální“ ve třetí a čtvrté podmínce požadovaného opracování nebo zpracování pro produkty zařazené do kapitoly 19 v příloze II protokolu 1 lze, pokud jde o obsah materiálů kapitoly 4 a obsah cukru, vykládat různě. V zájmu vyjasnění tohoto pravidla by mělo být v obou případech slovo „individuální“ vypuštěno.

(7) Pro textilní výrobky zařazené do kapitoly 62 v příloze II protokolu 1 by měly být ve sloupci týkajícím se různých alternativních pravidel požadovaného opracování nebo zpracování doplněny přípustné odchylky.

(8) Příloha II protokolu 1 k dohodě by proto měla být změněna,

PŘIJAL TOTO ROZHODNUTÍ:

Článek 1

Příloha II protokolu 1 k dohodě se mění v souladu s přílohou tohoto rozhodnutí.

Článek 2

Toto rozhodnutí vstupuje v platnost dnem 1. ledna 2024.

Sepsáno ve dvou vyhotoveních v jazyce anglickém, bulharském, českém, dánském, estonském, finském, francouzském, chorvatském, italském, litevském, lotyšském, mad'arském, maltském, německém, nizozemském, polském, portugalském, rumunském, řeckém, slovenském, slovinském, španělském, švédském a vietnamském, přičemž všechna znění mají stejnou platnost.

HANDELSUDVALGET HAR —

under henvisning til frihandelsaftalen mellem Den Europæiske Union og Den Socialistiske Republik Vietnam, særlig artikel 36, stk. 1, i protokol 1 og aftalens artikel 17.1, stk. 3, litra c), og

ud fra følgende betragtninger:

(1) I henhold til artikel 36, stk. 1, i protokol 1 til frihandelsaftalen mellem Den Europæiske Union og Den Socialistiske Republik Vietnam ("aftalen") kan Toldudvalget evaluere bestemmelserne i protokol 1 og forelægge et forslag til afgørelse om ændring af protokol 1, som skal vedtages af Handelsudvalget.

(2) I henhold til aftalens artikel 17.4, stk. 1, kan Handelsudvalget vedtage bindende afgørelser i de tilfælde, hvor det er fastsat i aftalen.

(3) Der blev pr. 1. januar 2017 og pr. 1. januar 2022 indført ændringer i forbindelse med den nomenklatur, der er reguleret af konventionen om det harmoniserede varebeskrivelses- og varenomenklatursystem ("HS"). Parterne i aftalen er blevet enige om at ændre bilag II til protokol 1, som indeholder listen over krav til bearbejdning og forarbejdning, for at afspejle ændringerne af HS.

(4) Bilag II til protokol 1 indeholder ingen betingelse for, at produkter af trikotage henhørende under pos. 6212 kan anses for at være tilstrækkeligt bearbejdede eller forarbejdede. Reglen i kapitel 62 i bilag II til protokol 1 kan ikke anvendes på disse produkter, da den er begrænset til produkter, der ikke er af trikotage. Derfor bør der tilføjes en særlig regel for produkter af trikotage henhørende under pos. 6212.

(5) Kravene til bearbejdning eller forarbejdning for produkter henhørende under kapitel 41 i bilag II til protokol 1 skal tilføjes til den relevante kolonne i nævnte bilag.

(6) Ordet "individuelle" i tredje og fjerde betingelse for den krævede bearbejdning eller forarbejdning af produkter henhørende under kapitel 19 i bilag II til protokol 1 kan fortolkes forskelligt for så vidt angår indholdet af materialer henhørende under kapitel 4 og sukkerindholdet. For at præcisere reglen skal ordet "individuelle" udgå i begge tilfælde.

(7) For tekstilprodukter henhørende under kapitel 62 i bilag II til protokol 1 bør der indsættes en henvisning til tolerancerne i de forskellige alternative regler for den krævede bearbejdning eller forarbejdning.

(8) Bilag II til protokol 1 til aftalen bør derfor ændres —

VEDTAGET DENNE AFGØRELSE:

Artikel 1

Bilag II til protokol 1 til aftalen ændres som fastsat i bilaget til nærværende afgørelse.

Artikel 2

Denne afgørelse træder i kraft den 1. januar 2024.

Udfærdiget i to eksemplarer på bulgarsk, dansk, engelsk, estisk, finsk, fransk, græsk, italiensk, kroatisk, lettisk, litauisk, maltesisk, nederlandsk, polsk, portugisisk, rumænsk, slovakisk, slovensk, spansk, svensk, tjekkisk, tysk, ungarsk og vietnamesisk, idet hver af disse tekster har samme gyldighed.

DER HANDELSAUSSCHUSS —

gestützt auf das Freihandelsabkommen zwischen der Europäischen Union und der Sozialistischen Republik Vietnam, insbesondere auf Artikel 36 Absatz 1 des Protokolls Nr. 1 und Artikel 17.1 Absatz 3 Buchstabe c,

in Erwägung nachstehender Gründe:

(1) Gemäß Artikel 36 Absatz 1 des Protokolls Nr. 1 des Freihandelsabkommens zwischen der Europäischen Union und der Sozialistischen Republik Vietnam darf der Zollausschuss die Bestimmungen des Protokolls Nr. 1 überprüfen und dem Handelsausschuss Beschlussentwürfe zur Änderung des Protokolls 1 zur Annahme vorlegen.

(2) Gemäß Artikel 17.4 Absatz 1 des Abkommens darf der Handelsausschuss Beschlüsse fassen, soweit das im Abkommen vorgesehen ist.

(3) Am 1. Januar 2017 und am 1. Januar 2022 wurden Änderungen der Nomenklatur des Harmonisierten Systems zur Bezeichnung und Codierung der Waren (HS) vorgenommen. Die Parteien des Abkommens haben vereinbart, Anhang II des Protokolls Nr. 1 zu ändern, der eine Liste der erforderlichen Be- und Verarbeitungen enthält, um den Änderungen des HS Rechnung zu tragen.

(4) Anhang II des Protokolls Nr. 1 enthält keine Bedingung für die ausreichende Be- oder Verarbeitung von Gewirken oder Gestricken der Position 6212. Die Regel nach Kapitel 62 in Anhang II des Protokolls Nr. 1 kann nicht auf diese Erzeugnisse angewendet werden, da sie für Erzeugnisse nicht aus Gewirken oder Gestricken gilt. Daher sollte eine besondere Regel für die Gewirke und Gestricke der Position 6212 hinzugefügt werden.

(5) Die erforderliche Be- und Verarbeitung von Erzeugnissen nach Kapitel 41 des Anhangs II des Protokolls 1 wird in der entsprechenden Spalte in Anhang II des Protokolls Nr. 1 hinzugefügt.

(6) Der Begriff „Einzelgewicht“ in der dritten und der vierten Bedingung für die erforderliche Be- oder Verarbeitung von Erzeugnissen nach Kapitel 19 in Anhang II des Protokolls Nr. 1 könnte hinsichtlich des Gehalts an Vormaterialien des Kapitels 4 und des Gehalts an Zucker unterschiedlich ausgelegt werden. Zur Klarstellung der Regel ist daher in beiden Fällen der Wortbestandteil „Einzel-“ zu streichen.

(7) Für Spinnstofferzeugnisse nach Kapitel 62 in Anhang II des Protokolls Nr. 1 sollten Verweise auf die Toleranzen in die verschiedenen alternativen Regeln der erforderlichen Be- oder Verarbeitungsspalte eingefügt werden.

(8) Anhang II des Protokolls Nr. 1 zum Abkommen sollte daher geändert werden —

HAT FOLGENDEN BESCHLUSS ERLASSEN:

Artikel 1

Anhang II des Protokolls Nr. 1 zum Abkommen wird gemäß dem Anhang des vorliegenden Beschlusses geändert.

Artikel 2

Dieser Beschluss tritt am 1. Januar 2024 in Kraft.

Abgefasst in doppelter Urschrift in bulgarischer, dänischer, deutscher, englischer, estnischer, finnischer, französischer, griechischer, italienischer, kroatischer, lettischer, litauischer, maltesischer, niederländischer, polnischer, portugiesischer, rumänischer, schwedischer, slowakischer, slowenischer, spanischer, tschechischer, ungarischer und vietnamesischer Sprache, wobei jeder Wortlaut gleichermaßen verbindlich ist.

Η ΕΠΙΤΡΟΠΗ ΕΜΠΟΡΙΟΥ,

Έχοντας υπόψη τη συμφωνία ελεύθερων συναλλαγών μεταξύ της Ευρωπαϊκής Ένωσης και της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ και ιδίως το άρθρο 36 παράγραφος 1 του πρωτοκόλλου 1 αυτής και το άρθρο 17.1 παράγραφος 3 στοιχείο γ) αυτής,

Εκτιμώντας τα ακόλουθα:

(1) Το άρθρο 36 παράγραφος 1 του πρωτοκόλλου 1 της συμφωνίας ελεύθερων συναλλαγών μεταξύ της Ευρωπαϊκής Ένωσης και της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ («συμφωνία») προβλέπει ότι η επιτροπή τελωνείων δύναται να εξετάσει τις διατάξεις του πρωτοκόλλου 1 και να υποβάλει πρόταση για την έκδοση απόφασης της επιτροπής εμπορίου για την τροποποίηση του πρωτοκόλλου 1.

(2) Το άρθρο 17.4 παράγραφος 1 της συμφωνίας προβλέπει ότι η επιτροπή εμπορίου δύναται να εκδίδει δεσμευτικές αποφάσεις στις περιπτώσεις που προβλέπονται στη συμφωνία.

(3) Την 1η Ιανουαρίου 2017 και την 1η Ιανουαρίου 2022 εισήχθησαν τροποποιήσεις σε σχέση με την ονοματολογία την οποία διέπει η σύμβαση για το εναρμονισμένο σύστημα περιγραφής και κωδικοποίησης των εμπορευμάτων («ΕΣ»). Τα μέρη της συμφωνίας συμφώνησαν να τροποποιήσουν το παράρτημα ΙΙ του πρωτοκόλλου 1, το οποίο περιέχει τον πίνακα απαιτούμενης επεξεργασίας ή μεταποίησης, ώστε να αντικατοπτρίζει τις τροποποιήσεις του ΕΣ.

(4) Στο παράρτημα ΙΙ του πρωτοκόλλου 1 δεν υπάρχει καμία προϋπόθεση για να θεωρηθεί ότι τα πλεκτά προϊόντα της κλάσης 6212 έχουν υποστεί επαρκή επεξεργασία ή μεταποίηση. Ο κανόνας του κεφαλαίου 62 του παραρτήματος ΙΙ του πρωτοκόλλου 1 δεν δύναται να εφαρμόζεται στα εν λόγω προϊόντα, δεδομένου ότι περιορίζεται σε προϊόντα άλλα από τα πλεκτά. Ως εκ τούτου, θα πρέπει να προστεθεί ειδικός κανόνας για τα πλεκτά προϊόντα της κλάσης 6212.

(5) Η απαιτούμενη επεξεργασία ή μεταποίηση των προϊόντωνπου κατατάσσονται στο κεφάλαιο 41 του παραρτήματος ΙΙ του πρωτοκόλλου 1 πρόκειται να προστεθεί στη σχετική στήλη του εν λόγω παραρτήματος.

(6) Η λέξη «ατομικό» στην τρίτη και τέταρτη προϋπόθεση της απαιτούμενης επεξεργασίας ή μεταποίησης προϊόντων που κατατάσσονται στο κεφάλαιο 19 του παραρτήματος II του πρωτοκόλλου 1 θα μπορούσε να ερμηνεύεται με διαφορετικούς τρόπους όσον αφορά την περιεκτικότητα σε ύλες του κεφαλαίου 4 και την περιεκτικότητα σε ζάχαρη. Για να αποσαφηνιστεί ο κανόνας, η λέξη «ατομικό» χρειάζεται να διαγραφεί και στις δύο περιπτώσεις.

(7) Για τα κλωστοϋφαντουργικά προϊόντα που κατατάσσονται στο κεφάλαιο 62 του παραρτήματος II του πρωτοκόλλου 1 θα πρέπει να προστεθεί αναφορά για τα όρια ανοχής στους διάφορους εναλλακτικούς κανόνες στην απαιτούμενη στήλη επεξεργασίας ή μεταποίησης.

(8) Επομένως, το παράρτημα II του πρωτοκόλλου 1 της συμφωνίας θα πρέπει να τροποποιηθεί,

ΕΞΕΔΩΣΕ ΤΗΝ ΠΑΡΟΥΣΑ ΑΠΟΦΑΣΗ:

Άρθρο 1

Το παράρτημα II του πρωτοκόλλου 1 της συμφωνίας τροποποιείται όπως καθορίζεται στο παράρτημα της παρούσας απόφασης.

Άρθρο 2

Η παρούσα απόφαση αρχίζει να ισχύει την 1η Ιανουαρίου 2024.

Έγινε σε δύο αντίτυπα, στην αγγλική, βουλγαρική, γαλλική, γερμανική, δανική, ελληνική, εσθονική, ισπανική, ιταλική, κροατική, λετονική, λιθουανική, μαλτέζικη, ολλανδική, ουγγρική, πολωνική, πορτογαλική, ρουμανική, σλοβακική, σλοβενική, σουηδική, τσεχική, φινλανδική και βιετναμέζικη γλώσσα, όλα δε τα κείμενα είναι εξίσου αυθεντικά.

THE TRADE COMMITTEE,

Having regard to the Free Trade Agreement between the European Union and the Socialist Republic of Viet Nam, and in particular Article 36(1) of Protocol 1 thereto, and Article 17.1(3), point (c), thereof,

Whereas:

(1) Article 36(1) of Protocol 1 to the Free Trade Agreement between the European Union and the Socialist Republic of Viet Nam ('the Agreement') provides that the Committee on Customs may review the provisions of Protocol 1 and is to submit a proposal for a decision to amend Protocol 1, which is to be adopted by the Trade Committee.

(2) Article 17.4(1) of the Agreement provides that the Trade Committee may adopt binding decisions where provided for in the Agreement.

(3) Amendments were introduced on 1 January 2017 and on 1 January 2022 in relation to the nomenclature governed by the Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System ('HS'). The Parties to the Agreement have agreed to amend Annex II to Protocol 1 containing the list of required working or processing in order to reflect the amendments to HS.

(4) There is no condition in Annex II to Protocol 1 for considering knitted or crocheted products of Heading 6212 to be sufficiently worked or processed. The rule of Chapter 62 in Annex II to Protocol 1 cannot be applied to those products, since it is limited to products not knitted or crocheted. Therefore, a specific rule should be added for the knitted or crocheted products of Heading 6212.

(5) The required working or processing of products classified in Chapter 41 in Annex II to Protocol 1 is to be added to the relevant column in that Annex.

(6) The word 'individual' in the third and fourth conditions of the required working or processing of products classified in Chapter 19 in Annex II to Protocol 1 could be interpreted differently as regards the content of materials of Chapter 4 and the content of sugar. To clarify the rule, the word 'individual' is to be deleted in both instances.

(7) For textile products classified in Chapter 62 in Annex II to Protocol 1, reference to the tolerances should be inserted in the various alternative rules of the required working or processing column.

(8) Annex II to Protocol 1 to the Agreement should therefore be amended,

HAS ADOPTED THIS DECISION:

Article 1

Annex II to Protocol 1 to the Agreement is amended as set out in the Annex to this Decision.

Article 2

This Decision shall enter into force on 1 January 2024.

Done in duplicate in the Bulgarian, Croatian, Czech, Danish, Dutch, English, Estonian, Finnish, French, German, Greek, Hungarian, Italian, Latvian, Lithuanian, Maltese, Polish, Portuguese, Romanian, Slovak, Slovenian, Spanish, Swedish and Vietnamese languages, each text being equally authentic.

Done at Brussels and Hanoi,

For the Trade Committee

The Co-Chairs

EL COMITÉ DE COMERCIO,

Visto el Acuerdo de Libre Comercio entre la Unión Europea y la República Socialista de Vietnam, y en particular el artículo 36, apartado 1, de su Protocolo 1 y su artículo 17.1, apartado 3, letra c),

Considerando lo siguiente:

(1) El artículo 36, apartado 1, del Protocolo 1 del Acuerdo de Libre Comercio entre la Unión Europea y la República Socialista de Vietnam (en lo sucesivo, «Acuerdo») establece que el Comité Aduanero puede revisar las disposiciones del Protocolo 1 y presentar una propuesta de decisión para modificar el Protocolo 1, que deberá adoptar el Comité de Comercio.

(2) El artículo 17.4, apartado 1, del Acuerdo establece que el Comité de Comercio puede adoptar decisiones vinculantes cuando así lo disponga el Acuerdo.

(3) El 1 de enero de 2017 y el 1 de enero de 2022, se introdujeron cambios en la nomenclatura regulada por el Convenio del Sistema Armonizado de Designación y Codificación de Mercancías (en lo sucesivo, «Sistema Armonizado»). Las Partes en el Acuerdo han acordado modificar el anexo II del Protocolo 1, que contiene la lista de las elaboraciones o transformaciones requeridas, a fin de reflejar las modificaciones del Sistema Armonizado.

(4) No hay ninguna condición en el anexo II del Protocolo 1 para considerar que los productos de punto de la partida 6212 han sido suficientemente elaborados o transformados. La norma del capítulo 62 del anexo II del Protocolo 1 no puede aplicarse a dichos productos, ya que se limita a los productos que no sean de punto. Por lo tanto, debe añadirse una norma específica para los productos de punto de la partida 6212.

(5) Las elaboraciones o transformaciones requeridas para los productos clasificados en el capítulo 41 del anexo II del Protocolo 1 deben añadirse a la columna pertinente de dicho anexo.

(6) El término «individual» en las condiciones tercera y cuarta de las elaboraciones o transformaciones requeridas para los productos clasificados en el capítulo 19 del anexo II del Protocolo 1 podría interpretarse de maneras diferentes en lo que respecta al contenido de materias del capítulo 4 y al contenido de azúcar. Para aclarar la norma, ha de suprimirse el término «individual» en ambos casos.

(7) Para los productos textiles clasificados en el capítulo 62 del anexo II del Protocolo 1, debe insertarse una referencia a los márgenes de tolerancia en las diversas normas alternativas de la columna de elaboración o transformación requerida.

(8) Por lo tanto, procede modificar el anexo II del Protocolo 1 del Acuerdo.

HA ADOPTADO LA PRESENTE DECISIÓN:

Artículo 1

El anexo II del Protocolo 1 del Acuerdo se modifica de conformidad con lo establecido en el anexo de la presente Decisión.

Artículo 2

La presente Decisión entrará en vigor el 1 de enero de 2024.

Hecho en dos ejemplares en lenguas alemana, búlgara, checa, croata, danesa, eslovaca, eslovena, española, estonia, finesa, francesa, griega, húngara, inglesa, italiana, letona, lituana, maltesa, neerlandesa, polaca, portuguesa, rumana, sueca y vietnamita, siendo cada uno de estos textos igualmente auténtico.

KAUBANDUSKOMITEE,

võttes arvesse Euroopa Liidu ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi vahelist vabakaubanduslepingut, eriti selle 1. protokolli artikli 36 lõiget 1 ja lepingu artikli 17.1 lõike 3 punkti c,

ning arvestades järgmist:

(1) Euroopa Liidu ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi vahelise vabakaubanduslepingu (edaspidi „leping") 1. protokolli artikli 36 lõikes 1 on sätestatud, et tollikomitee võib vaadata läbi 1. protokolli sätted ja esitada kaubanduskomiteele ettepaneku võtta vastu 1. protokolli muutmist käsitlev otsus.

(2) Lepingu artikli 17.4 lõikes 1 on sätestatud, et kaubanduskomitee võib vastu võtta siduvaid otsuseid lepingus sätestatud juhtudel.

(3) Kaupade kirjeldamise ja kodeerimise harmoneeritud süsteemi konventsiooniga reguleeritavat nomenklatuuri (edaspidi „HS") on muudetud 1. jaanuaril 2017 ja 1. jaanuaril 2022. Lepinguosalised on kokku leppinud muuta 1. protokolli II lisa, mis sisaldab nõutavate tööde või töötlemistoimingute loetelu, et kajastada HSi muudatusi.

(4) 1. protokolli II lisas ei ole sätestatud tingimust, mille kohaselt rubriiki 6212 kuuluvaid silmkoelisi või heegeldatud tooteid käsitatakse piisava töö või töötluse läbinuna. 1. protokolli II lisa grupi 62 reeglit ei saa nende toodete suhtes kohaldada, kuna see grupp piirdub toodetega, mis ei ole silmkoelised ega heegeldatud. Seepärast tuleks rubriiki 6212 kuuluvate silmkoeliste või heegeldatud toodete kohta lisada erireegel.

(5) 1. protokolli II lisa gruppi 41 kuuluvate toodete puhul tuleb selle lisa vastavasse veergu lisada nõutavate tööde või töötlemistoimingute kirjeldus.

(6) 1. protokolli II lisa gruppi 19 kuuluvate toodete puhul võib nõutavate tööde või töötlemistoimingute veerus esitatud kolmandas ja neljandas tingimuses esinevat sõna „individuaalne“ tõlgendada gruppi 4 kuuluvate materjalide ja suhkru sisalduse osas erinevalt. Reegli täpsustamiseks jäetakse mõlemal juhul sõna „individuaalne“ välja.

(7) 1. protokolli II lisa gruppi 62 kuuluvate tekstiiltoodete puhul tuleks nõutavate tööde või töötlemistoimingute veerus esitatud eri alternatiivsete reeglite juurde lisada viited lubatud hälvetele.

(8) Seetõttu tuleks lepingu 1. protokolli II lisa muuta,

ON VASTU VÕTNUD KÄESOLEVA OTSUSE:

Artikkel 1

Lepingu 1. protokolli II lisa muudetakse vastavalt käesoleva otsuse lisale.

Artikkel 2

Käesolev otsus jõustub 1. jaanuaril 2024.

Koostatud kahes eksemplaris bulgaaria, eesti, hispaania, hollandi, horvaadi, inglise, itaalia, kreeka, leedu, läti, malta, poola, portugali, prantsuse, rootsi, rumeenia, saksa, slovaki, sloveeni, soome, taani, tšehhi, ungari ja vietnami keeles, kusjuures kõik tekstid on võrdselt autentsed.

KAUPPAKOMITEA, joka

ottaa huomioon Euroopan unionin ja Vietnamin sosialistisen tasavallan välisen vapaakauppasopimuksen ja erityisesti sen pöytäkirjassa 1 olevan 36 artiklan 1 kohdan sekä sopimuksen 17.1 artiklan 3 kohdan c alakohdan,

sekä katsoo seuraavaa:

(1) Euroopan unionin ja Vietnamin sosialistisen tasavallan välisen vapaakauppasopimuksen pöytäkirjassa 1 olevan 36 artiklan 1 kohdassa määrätään, että tullikomitea voi tarkastella uudelleen pöytäkirjan 1 määräyksiä ja tehdä kauppakomitealle ehdotuksen pöytäkirjan 1 muuttamista koskevaksi päätökseksi.

(2) Sopimuksen 17.4 artiklan 1 kohdassa määrätään, että kauppakomitea voi tehdä sitovia päätöksiä kysymyksissä, joista sopimuksessa määrätään.

(3) Harmonoitua tavarankuvaus- ja koodausjärjestelmää, jäljempänä 'HS-järjestelmä', koskevalla yleissopimuksella säänneltyä nimikkeistöä muutettiin 1 päivänä tammikuuta 2017 ja 1 päivänä tammikuuta 2022. Sopimuksen osapuolet ovat sopineet muuttavansa pöytäkirjan 1 liitteen II, jossa on vaadittua valmistusta tai käsittelyä koskeva luettelo, HS-järjestelmään tehtyjen muutosten mukaisesti.

(4) Pöytäkirjan 1 liitteessä II ei ole nimikkeen 6212 neulosta olevien tuotteiden riittävää valmistusta tai käsittelyä koskevaa edellytystä. Pöytäkirjan 1 liitteessä II olevan 62 ryhmän sääntöä ei voida soveltaa kyseisiin tuotteisiin, koska se rajoittuu muuta kuin neulosta oleviin tuotteisiin. Sen vuoksi olisi lisättävä nimikkeen 6212 neulosta olevia tuotteita koskeva erityissääntö.

(5) Pöytäkirjan 1 liitteessä II olevaan 41 ryhmään luokiteltujen tuotteiden vaadittu valmistus tai käsittely on määrä lisätä kyseisen liitteen asiaankuuluvaan sarakkeeseen.

(6) Pöytäkirjan 1 liitteessä II olevaan 19 ryhmään luokitelluille tuotteille vaaditun valmistuksen tai käsittelyn kolmannessa ja neljännessä edellytyksessä ilmaisu "erillispaino" voitaisiin tulkita eri tavoin ryhmän 4 ainesten ja sokerin osuuden osalta. Säännön selventämiseksi ilmaisu "erillispaino" on määrä korvata ilmaisulla "paino" molemmissa edellytyksissä.

(7) Pöytäkirjan 1 liitteessä II olevan 62 ryhmän luokiteltujen tekstiilituotteiden osalta olisi valmistusta tai käsittelyä koskeviin useisiin vaihtoehtoisiin sarakkaisiin lisättävä viittaus sallittuihin poikkeamiin.

(8) Sopimuksen pöytäkirjan 1 liitettä II olisi sen vuoksi muutettava,

ON HYVÄKSYNYT TÄMÄN PÄÄTÖKSEN:

1 artikla

Muutetaan sopimuksen pöytäkirjan 1 liite II tämän päätöksen liitteen mukaisesti.

2 artikla

Tämä päätös tulee voimaan 1 päivänä tammikuuta 2024.

Tehty kahtena kappaleena bulgarian, englannin, espanjan, hollannin, italian, kreikan, kroaatin, latvian, liettuan, maltan, portugalin, puolan, ranskan, romanian, ruotsin, saksan, slovakin, sloveenin, suomen, tanskan, tšekin, unkarin, viron ja vietnamin kielellä, ja kukin teksti on yhtä todistusvoimainen.

LE COMITÉ "COMMERCE",

vu l'accord de libre-échange entre l'Union européenne et la République socialiste du Viêt Nam, et notamment l'article 36, paragraphe 1, du protocole 1 à l'accord, et l'article 17.1, paragraphe 3, point c), de l'accord,

considérant ce qui suit:

(1) L'article 36, paragraphe 1, du protocole 1 à l'accord de libre-échange entre l'Union européenne et la République socialiste du Viêt Nam (ci-après dénommé "accord") dispose que le comité "Douanes" peut réexaminer les dispositions du protocole 1 et soumettre une proposition de décision de modification du protocole 1, qui doit être adoptée par le comité "Commerce".

(2) L'article 17.4, paragraphe 1, de l'accord dispose que le comité "Commerce" peut adopter des décisions contraignantes dans les cas prévus par l'accord.

(3) Des modifications ont été introduites le 1er janvier 2017 et le 1er janvier 2022 dans la nomenclature régie par la convention sur le système harmonisé de désignation et de codification des marchandises (SH). Afin de tenir compte des modifications apportées au SH, les parties à l'accord sont convenues de modifier l'annexe II du protocole 1, dans laquelle figure la liste des ouvraisons ou transformations requises.

(4) L'annexe II du protocole 1 ne prévoit aucune condition permettant de considérer que les produits de bonneterie de la position 6212 sont suffisamment ouvrés ou transformés. La règle du chapitre 62 qui figure à l'annexe II du protocole 1 ne peut pas s'appliquer à ces produits puisqu'elle est limitée aux produits autres qu'en bonneterie. Il convient par conséquent d'ajouter une règle spécifique aux produits de bonneterie de la position 6212.

(5) Les ouvraisons ou transformations requises pour les produits classés dans le chapitre 41 qui figure à l'annexe II du protocole 1 doivent être ajoutées dans la colonne correspondante dans ladite annexe.

(6) Le terme "individuel" figurant dans les troisième et quatrième conditions des ouvraisons ou transformations requises pour les produits classés dans le chapitre 19 qui figure à l'annexe II du protocole 1, pourrait être interprété de diverses manières en ce qui concerne la teneur en matières du chapitre 4 et la teneur en sucre. Afin de clarifier la règle, le terme "individuel" doit être supprimé dans les deux cas.

(7) Pour les produits textiles classés dans le chapitre 62 qui figure à l'annexe II du protocole 1, la référence faite aux tolérances devrait être insérée dans les différentes règles alternatives de la colonne relative aux ouvraisons ou transformations requises.

(8) Il convient, dès lors, de modifier l'annexe II du protocole 1 à l'accord,

A ADOPTÉ LA PRÉSENTE DÉCISION:

Article premier

L'annexe II du protocole 1 à l'accord est modifiée conformément à l'annexe de la présente décision.

Article 2

La présente décision entre en vigueur le 1er janvier 2024.

Fait en double exemplaire en langues allemande, anglaise, bulgare, croate, danoise, espagnole, estonienne, finnoise, française, grecque, hongroise, italienne, lettonne, lituanienne, maltaise, néerlandaise, polonaise, portugaise, roumaine, slovaque, slovène, suédoise, tchèque et vietnamienne, tous les textes faisant également foi.

ODBOR ZA TRGOVINU,

uzimajući u obzir Sporazum o slobodnoj trgovini između Europske unije i Socijalističke Republike Vijetnama, a posebno članak 36. stavak 1. njegova Protokola 1. i njegov članak 17.1. stavak 3. točku (c),

budući da:

(1) Člankom 36. stavkom 1. Protokola 1. uz Sporazum o slobodnoj trgovini između Europske unije i Socijalističke Republike Vijetnama („Sporazum") predviđeno je da Odbor za carine može preispitati odredbe Protokola 1. i podnijeti prijedlog odluke o izmjeni Protokola 1. koju treba donijeti Odbor za trgovinu.

(2) Člankom 17.4. stavkom 1. Sporazuma predviđeno je da Odbor za trgovinu može donijeti obvezujuće odluke ako je to predviđeno Sporazumom.

(3) U nomenklaturu uređenu Konvencijom o Harmoniziranom sustavu nazivlja i brojčanog označivanja robe („HS") uvedene su izmjene 1. siječnja 2017. i 1. siječnja 2022. Stranke Sporazuma postigle su dogovor o izmjeni Priloga II. Protokolu 1., koji sadržava popis potrebne obrade ili prerade, kako bi se uzele u obzir izmjene HS-a.

(4) Prilog II. Protokolu 1. ne sadržava uvjet za smatranje pletenih ili kukičanih proizvoda iz tarifnog broja 6212 dostatno obrađenima ili prerađenima. Pravilo iz poglavlja 62 u Prilogu II. Protokolu 1. ne može se primijeniti na te proizvode jer je ograničeno na proizvode koji nisu pleteni ili kukičani. Stoga bi trebalo dodati posebno pravilo za pletene ili kukičane proizvode iz tarifnog broja 6212.

(5) Potrebnu obradu ili preradu proizvoda razvrstanih u poglavlje 41 u Prilogu II. Protokolu 1. treba dodati u odgovarajući stupac u tom prilogu.

(6) Riječ „pojedinačna" u trećem i četvrtom uvjetu potrebne obrade ili prerade proizvoda razvrstanih u poglavlje 19 u Prilogu II. Protokolu 1. mogla bi se tumačiti na različite načine u pogledu udjela materijalâ iz poglavlja 4 i udjela šećera. Kako bi se to pravilo pojasnilo, riječ „pojedinačna" treba izbrisati u oba ta uvjeta.

(7) Za tekstilne proizvode razvrstane u poglavlje 62 u Prilogu II. Protokolu 1. trebalo bi umetnuti upućivanje na odstupanja u različitim alternativnim pravilima stupca koji se odnosi na potrebnu obradu ili preradu.

(8) Prilog II. Protokolu 1. uz Sporazum trebalo bi stoga izmijeniti,

DONIO JE OVU ODLUKU:

Članak 1.

Prilog II. Protokolu 1. uz Sporazum mijenja se kako je utvrđeno u Prilogu ovoj Odluci.

Članak 2.

Ova Odluka stupa na snagu 1. siječnja 2024.

Sastavljeno u po dva primjerka na bugarskom, češkom, danskom, engleskom, estonskom, finskom, francuskom, grčkom, hrvatskom, latvijskom, litavskom, mađarskom, malteškom, nizozemskom, njemačkom, poljskom, portugalskom, rumunjskom, slovačkom, slovenskom, španjolskom, švedskom, talijanskom i vijetnamskom jeziku, pri čemu je svaki od tih tekstova jednako vjerodostojan.

A KERESKEDELMI BIZOTTSÁG,

tekintettel az Európai Unió és a Vietnámi Szocialista Köztársaság közötti szabadkereskedelmi megállapodásra és különösen annak 1. jegyzőkönyve 36. cikkének (1) bekezdésére és 17.1. cikke (3) bekezdésének c) pontjára,

mivel:

(1) Az Európai Unió és a Vietnámi Szocialista Köztársaság közötti szabadkereskedelmi megállapodás (a továbbiakban: a megállapodás) 1. jegyzőkönyve 36. cikkének (1) bekezdése úgy rendelkezik, hogy a Vámügyi Bizottság felülvizsgálja az 1. jegyzőkönyv rendelkezéseit, és javaslatot terjeszt elő az 1. jegyzőkönyv módosítására, amelyet a Kereskedelmi Bizottság fogad el.

(2) A megállapodás 17.4. cikkének (1) bekezdése úgy rendelkezik, hogy a Kereskedelmi Bizottság kötelező erejű határozatokat fogadhat el, amennyiben a megállapodásban foglaltak így írják elő.

(3) A Harmonizált Áruleíró- és Kódrendszerről (a továbbiakban: HR) szóló egyezmény által szabályozott nómenklatúra 2017. január 1-jén és 2022. január 1-jén módosult. A megállapodás részes felei megegyeztek abban, hogy módosítják az 1. jegyzőkönyvnek az elvégzendő megmunkálások vagy feldolgozások listáját tartalmazó II. mellékletét, annak érdekében, hogy tükrözzék a HR módosításait.

(4) Az 1. jegyzőkönyv II. mellékletében nincs olyan feltétel, amely szerint a 6212 vámtarifaszám alá tartozó kötött vagy hurkolt termékeket kielégítően megmunkáltnak vagy feldolgozottnak lehet tekinteni. Az 1. jegyzőkönyv II. mellékletében a 62. árucsoportra vonatkozóan megállapított szabály nem alkalmazható ezekre a termékekre, mivel az a „nem kötött vagy hurkolt" termékekre korlátozódik. Ezért külön szabályt kell beilleszteni a 6212 vámtarifaszám alá tartozó kötött vagy hurkolt termékekre vonatkozóan.

(5) Az 1. jegyzőkönyv II. mellékletének 41. árucsoportjába sorolt termékek esetében az elvégzendő megmunkálást vagy feldolgozást be kell illeszteni az említett melléklet megfelelő oszlopába.

(6) Az 1. jegyzőkönyv II. mellékletének angol nyelvű változatában a 19. árucsoportba sorolt termékek esetében elvégzendő megmunkálás vagy feldolgozás harmadik és negyedik feltételében szereplő „individual" kifejezés eltérően értelmezhető a 4. árucsoportba tartozó anyagok és a cukor tartalmát illetően. A szabály egyértelművé tétele érdekében az „individual" szót mindkét esetben törölni kell.

(7) Az 1. jegyzőkönyv II. mellékletének 62. árucsoportjába sorolt textiltermékek esetében a tűréshatárokra vonatkozó hivatkozást az elvégzendő megmunkálás vagy feldolgozás oszlopára vonatkozó különböző szabályváltozatokba kell beilleszteni.

(8) A megállapodás 1. jegyzőkönyvének II. mellékletét ezért módosítani kell,

ELFOGADTA EZT A HATÁROZATOT:

1. cikk

A megállapodás 1. jegyzőkönyvének II. melléklete e határozat mellékletének megfelelően módosul.

2. cikk

Ez a határozat 2024. január 1-jén lép hatályba.

Készült két-két eredeti példányban angol, bolgár, cseh, dán, észt, finn, francia, görög, holland, horvát, lengyel, lett, litván, magyar, máltai, német, olasz, portugál, román, spanyol, svéd, szlovák, szlovén és vietnámi nyelven, amely szövegek mindegyike egyaránt hiteles.

IL COMITATO PER IL COMMERCIO,

visto l'accordo di libero scambio tra l'Unione europea e la Repubblica socialista del Vietnam , in particolare l'articolo 36, paragrafo 1, del protocollo 1, e l'articolo 17.1, paragrafo 3, lettera c), dell'accordo,

considerando quanto segue:

(1) L'articolo 36, paragrafo 1, del protocollo 1 dell'accordo di libero scambio tra l'Unione europea e la Repubblica socialista del Vietnam ("accordo") dispone che il comitato doganale possa riesaminare le disposizioni del protocollo 1 e presentare una proposta di decisione per la sua modifica per l'adozione da parte del comitato per il commercio.

(2) L'articolo 17.4, paragrafo 1, dell'accordo dispone che il comitato per il commercio possa adottare decisioni vincolanti nei casi previsti dall'accordo.

(3) Il 1° gennaio 2017 e il 1° gennaio 2022 sono state introdotte modifiche alla nomenclatura disciplinata dalla convenzione sul sistema armonizzato di designazione e di codificazione delle merci ("SA"). Le parti dell'accordo hanno concordato di modificare l'allegato II del protocollo 1 contenente l'elenco delle lavorazioni o trasformazioni richieste al fine di riflettere le modifiche apportate al SA.

(4) Nell'allegato II del protocollo 1 non figurano condizioni affinché si possano considerare i prodotti a maglia della voce 6212 sufficientemente lavorati o trasformati. La norma del capitolo 62 nell'allegato II del protocollo 1 non può essere applicata a tali prodotti poiché è limitata ai prodotti diversi da quelli a maglia. Pertanto è opportuno aggiungere una norma specifica per i prodotti a maglia della voce 6212.

(5) Le lavorazioni o trasformazioni richieste per i prodotti classificati nel capitolo 41 nell'allegato II del protocollo 1 devono essere aggiunte nell'apposita colonna in tale allegato.

(6) Il termine "individuale" nella terza e quarta condizione delle lavorazioni o trasformazioni richieste per i prodotti classificati nel capitolo 19 nell'allegato II del protocollo 1, potrebbe essere interpretato in modi diversi per quanto riguarda il contenuto dei materiali del capitolo 4 e il contenuto dello zucchero. Al fine di chiarire la norma, deve essere soppresso il termine "individuale" in entrambe le occorrenze.

(7) Per i prodotti tessili classificati nel capitolo 62 nell'allegato II del protocollo 1, è opportuno inserire il riferimento alle tolleranze nelle varie norme alternative della colonna lavorazione o trasformazione.

(8) L'allegato II del protocollo 1 dovrebbe pertanto essere modificato,

HA ADOTTATO LA PRESENTE DECISIONE:

Articolo 1

L'allegato II del protocollo 1 dell'accordo è modificato come indicato nell'allegato della presente decisione.

Articolo 2

La presente decisione entra in vigore il 1° gennaio 2024.

Fatto in duplice esemplare nelle lingue bulgara, ceca, croata, danese, estone, finlandese, francese, greca, inglese, italiana, lettone, lituana, maltese, neerlandese, polacca, portoghese, rumena, slovacca, slovena, spagnola, svedese, tedesca, ungherese e vietnamita, tutti i testi facenti ugualmente fede.

PREKYBOS KOMITETAS,

atsižvelgdamas į Europos Sąjungos ir Vietnamo Socialistinės Respublikos laisvosios prekybos susitarimą, ypač į 1 protokolo 36 straipsnio 1 dalį ir Susitarimo 17.1 straipsnio 3 dalies c punktą,

kadangi:

(1) Europos Sąjungos ir Vietnamo Socialistinės Respublikos laisvosios prekybos susitarimo (toliau – Susitarimas) 1 protokolo 36 straipsnio 1 dalyje numatyta, kad Muitinės komitetas gali peržiūrėti 1 protokolo nuostatas ir pateikti pasiūlymą Prekybos komitetui priimti sprendimą dėl 1 protokolo dalinio pakeitimo;

(2) Susitarimo 17.4 straipsnio 1 dalyje numatyta, kad Prekybos komitetas gali priimti privalomus sprendimus Susitarime numatytais atvejais;

(3) 2017 m. sausio 1 d. ir 2022 m. sausio 1 d. į Konvencija dėl suderintos prekių aprašymo ir kodavimo sistemos reglamentuojamą nomenklatūrą (toliau – SS) buvo įtraukta pakeitimų. Kad būtų atsižvelgta į SS pakeitimus, Susitarimo šalys susitarė iš dalies pakeisti 1 protokolo II priedą, kuriame pateiktas būtinų apdorojimo ar perdirbimo operacijų sąrašas;

(4) 1 protokolo II priede nėra sąlygos, pagal kurią 6212 pozicijai priskiriami megzti arba nerti gaminiai būtų laikomi pakankamai apdorotais arba perdirbtais. 62 skirsnio 1 protokolo II priede taisyklė negali būti taikoma tiems gaminiams, nes ji taikoma tik nemegztiems ir nenertiems gaminiams. Todėl 6212 pozicijai priskiriamiems megztiems arba nertiems gaminiams turėtų būti įrašyta konkreti taisyklė;

(5) 41 skirsniui 1 protokolo II priede priskiriamų produktų būtinas apdorojimas ar perdirbimas turi būti įtrauktas į atitinkamą skiltį tame priede;

(6) žodis „atskiroji“ 19 skirsniui 1 protokolo II priede priskiriamų produktų būtino apdorojimo ar perdirbimo trečioje ir ketvirtoje sąlygose 4 skirsniui priskiriamų medžiagų kiekio ir cukraus kiekio atžvilgiu gali būti aiškinamas skirtingai. Siekiant patikslinti taisyklę, abiem atvejais žodis „atskiroji“ turi būti išbrauktas;

(7) tekstilės gaminių, priskiriamų 62 skirsniui 1 protokolo II priede, atžvilgiu įvairių alternatyvių būtino apdorojimo ar perdirbimo taisyklių skiltyje turėtų būti įtraukta nuoroda į leistinus nuokrypius;

(8) todėl Susitarimo 1 protokolo II priedas turėtų būti iš dalies pakeistas,

PRIĖMĖ ŠĮ SPRENDIMĄ:

1 straipsnis

Susitarimo 1 protokolo II priedas iš dalies keičiamas, kaip išdėstyta šio sprendimo priede.

2 straipsnis

Šis sprendimas įsigalioja 2024 m. sausio 1 d.

Priimta dviem egzemplioriais anglų, bulgarų, čekų, danų, estų, graikų, ispanų, italų, kroatų, latvių, lenkų, lietuvių, maltiečių, nyderlandų, portugalų, prancūzų, rumunų, slovakų, slovėnų, suomių, švedų, vengrų, vokiečių ir vietnamiečių kalbomis; visi tekstai yra vienodai autentiški.

TIRDZNIECĪBAS KOMITEJA,

ņemot vērā Brīvās tirdzniecības nolīgumu starp Eiropas Savienību un Vjetnamas Sociālistisko Republiku un jo īpaši tā 1. protokola 36. panta 1. punktu un 17.1. panta 3. punkta c) apakšpunktu,

tā kā:

(1) Brīvās tirdzniecības nolīguma starp Eiropas Savienību un Vjetnamas Sociālistisko Republiku ("nolīgums") 1. protokola 36. panta 1. punktā paredzēts, ka Muitas komiteja var pārskatīt 1. protokola noteikumus un iesniegt priekšlikumu lēmumam par 1. protokola grozīšanu, kas jāpieņem Tirdzniecības komitejā.

(2) Nolīguma 17.4. panta 1. punktā paredzēts, ka Tirdzniecības komiteja var pieņemt saistošus lēmumus šajā nolīgumā paredzētajos gadījumos.

(3) Nomenklatūrā, ko reglamentē Konvencija par preču aprakstīšanas un kodēšanas harmonizēto sistēmu ("HS"), 2017. gada 1. janvārī un 2022. gada 1. janvārī ir izdarīti grozījumi. Nolīguma puses ir vienojušās grozīt 1. protokola II pielikumu, kurā ietverts vajadzīgo apstrādes vai pārstrādes darbību uzskaitījums, lai atspoguļotu HS grozījumus.

(4) Nolīguma 1. protokola II pielikumā nav nosacījuma uzskatīt pozīcijas 6212 trikotāžas izstrādājumus par pietiekami apstrādātiem vai pārstrādātiem. Minētajiem izstrādājumiem nevar piemērot 62. nodaļas noteikumu 1. protokola II pielikumā, jo tas attiecas tikai uz izstrādājumiem, kas nav no trikotāžas. Tādēļ būtu jāpievieno īpašs noteikums attiecībā uz pozīcijas 6212 trikotāžas izstrādājumiem.

(5) Vajadzīgā apstrāde vai pārstrāde ražojumiem, kas klasificēti 41. nodaļā 1. protokola II pielikumā, ir jāpievieno minētā pielikuma attiecīgajā slejā.

(6) Vārdu "atsevišķais" trešajā un ceturtajā nosacījumā attiecībā uz vajadzīgo apstrādi vai pārstrādi ražojumiem, kas klasificēti 19. nodaļā 1. protokola II pielikumā, varētu interpretēt atšķirīgi attiecībā uz 4. nodaļas materiālu un cukura saturu. Lai precizētu šo noteikumu, abos gadījumos ir jāsvītro vārds "atsevišķais".

(7) Tekstilizstrādājumiem, kas klasificēti 62. nodaļā 1. protokola II pielikumā, būtu jāpievieno atsauce uz pielaidēm dažādajos alternatīvajos noteikumos par nepieciešamo apstrādes vai pārstrādes sleju.

(8) Tāpēc nolīguma 1. protokola II pielikums būtu jāgroza,

IR PIEŅĒMUSI ŠO LĒMUMU.

1. pants

Nolīguma 1. protokola II pielikumu groza, kā izklāstīts šā lēmuma pielikumā.

2. pants

Šis lēmums stājas spēkā 2024. gada 1. janvārī.

Sagatavots divos eksemplāros angļu, bulgāru, čehu, dāņu, franču, grieķu, holandiešu, horvātu, igauņu, itāļu, latviešu, lietuviešu, maltiešu, poļu, portugāļu, rumāņu, slovāku, slovēņu, somu, spāņu, ungāru, vācu, vjetnamiešu un zviedru valodā, un visi teksti ir vienlīdz autentiski.

IL-KUMITAT GĦALL-KUMMERĊ,

Wara li kkunsidra l-Ftehim ta' Kummerċ Ħieles bejn l-Unjoni Ewropea u r-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam , u b'mod partikolari l-Artikolu 36(1) tal-Protokoll 1 tiegħu, u l-Artikolu 17.1(3), il-punt (c) tiegħu,

Billi:

(1) L-Artikolu 36(1) tal-Protokoll 1 tal-Ftehim ta' Kummerċ Ħieles bejn l-Unjoni Ewropea u r-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam ("il-Ftehim") jipprevedi li l-Kumitat dwar id-Dwana jista' jirrieżamina d-dispożizzjonijiet tal-Protokoll 1 u għandu jippreżenta proposta għal deċiżjoni biex temenda l-Protokoll 1, li għandu jiġi adottat mill-Kumitat għall-Kummerċ.

(2) L-Artikolu 17.4(1) tal-Ftehim jipprevedi li l-Kumitat għall-Kummerċ jista' jadotta deċiżjonijiet vinkolanti meta previst fil-Ftehim.

(3) Fl-1 ta' Jannar 2017 u fl-1 ta' Jannar 2022 ġew introdotti emendi fir-rigward tan-nomenklatura rregolata mill-Konvenzjoni dwar is-Sistema Armonizzata għad-Deskrizzjoni u l-Kodifikazzjoni tal-Merkanzija ("SA"). Il-Partijiet tal-Ftehim qablu li jemendaw l-Anness II tal-Protokoll 1 li fih il-lista tal-ħidma jew tal-ipproċessar meħtieġ sabiex jirrifletti l-emendi tas-SA.

(4) M'hemm l-ebda kundizzjoni fl-Anness II tal-Protokoll 1 biex il-prodotti maħdumin bil-labar jew bil-ganċ tal-Intestatura 6212 jitqiesu biżżejjed maħdumin jew ipproċessati. Ir-regola tal-Kapitolu 62 fl-Anness II tal-Protokoll 1 ma tistax tiġi applikata għal dawk il-prodotti peress li hija limitata għal prodotti mhux maħdumin bil-labar jew bil-ganċ. Għalhekk, jenħtieġ li tiżdied regola speċifika għall-prodotti maħdumin bil-labar jew bil-ganċ tal-Intestatura 6212.

(5) Il-ħidma jew l-ipproċessar meħtieġa tal-prodotti kklassifikati fil-Kapitolu 41 fl-Anness II tal-Protokoll 1 għandhom jiżdiedu fil-kolonna rilevanti f'dak l-Anness.

(6) Il-kelma "individwali" fit-tielet u r-raba' kundizzjonijiet tal-ħidma jew tal-ipproċessar meħtieġa tal-prodotti kklassifikati fil-Kapitolu 19 fl-Anness II tal-Protokoll 1 tista' tiġi interpretata b'mod differenti fir-rigward tal-kontenut tal-materjali tal-Kapitolu 4 u tal-kontenut taz-zokkor. Biex tiġi ċċarata r-regola, il-kelma "individwali" għandha titħassar fiż-żewġ istanzi.

(7) Għall-prodotti tessili kklassifikati fil-Kapitolu 62 fl-Anness II tal-Protokoll 1, referenza għat-tolleranzi jenħtieġ li tiġi inserita fir-regoli alternattivi diversi tal-kolonni ta' ħidma jew tal-ipproċessar meħtieġa.

(8) Għalhekk, l-Anness II tal-Protokoll 1 tal-Ftehim jenħtieġ li jiġi emendat,

ADOTTA DIN ID-DEĊIŻJONI:

Artikolu 1

L-Anness II tal-Protokoll 1 tal-Ftehim huwa emendat kif stabbilit fl-Anness ta' din id-Deċiżjoni.

Artikolu 2

Din id-Deċiżjoni għandha tidħol fis-seħħ fl-1 ta' Jannar 2024.

Magħmul f'żewġ kopji bil-Bulgaru, biċ-Ċek, bid-Daniż, bl-Estonjan, bil-Finlandiż, bil-Franċiż, bil-Ġermaniż, bil-Grieg, bl-Ingliż, bl-Ispanjol, bl-Iżvediż, bil-Kroat, bil-Latvjan, bil-Litwan, bil-Malti, bl-Olandiż, bil-Pollakk, bil-Portugiż, bir-Rumen, bis-Slovakk, bis-Sloven, bit-Taljan, bl-Ungeriż u bil-Vjetnamiż, b'kull test ikollu l-istess awtentiċità.

HET HANDELSCOMITÉ,

Gezien de vrijhandelsovereenkomst tussen de Europese Unie en de Socialistische Republiek Vietnam, en met name artikel 36, lid 1, van Protocol 1, en artikel 17.1, lid 3, punt c),

Overwegende hetgeen volgt:

(1) Artikel 36, lid 1, van Protocol 1 bij de vrijhandelsovereenkomst tussen de Europese Unie en de Socialistische Republiek Vietnam ("de overeenkomst") bepaalt dat het Douanecomité de bepalingen van Protocol 1 kan herzien en een voorstel indient voor een besluit tot wijziging van Protocol 1, dat door het Handelscomité moet worden goedgekeurd.

(2) Artikel 17.4, lid 1, van de overeenkomst bepaalt dat het Handelscomité bindende besluiten kan nemen wanneer de overeenkomst daarin voorziet.

(3) Op 1 januari 2017 en 1 januari 2022 zijn wijzigingen aangebracht in de nomenclatuur waarop het Verdrag over het geharmoniseerde systeem inzake de omschrijving en codering van goederen (GS) betrekking heeft. De partijen bij de overeenkomst zijn overeengekomen bijlage II bij Protocol 1 met de lijst van vereiste be- of verwerking te wijzigen om rekening te houden met de wijzigingen van het GS.

(4) Bijlage II bij Protocol 1 bevat geen voorwaarde om producten van brei- of haakwerk van post 6212 als voldoende be- of verwerkt te beschouwen. De regel van hoofdstuk 62 in bijlage II bij Protocol 1 kan niet op deze producten worden toegepast, aangezien hij beperkt is tot producten "andere dan van brei- of haakwerk". Daarom moet een specifieke regel worden toegevoegd voor producten van brei- of haakwerk van post 6212.

(5) De vereiste be- of verwerking van de in hoofdstuk 41 in bijlage II bij Protocol 1 ingedeelde producten moet worden toegevoegd in de desbetreffende kolom van die bijlage.

(6) Het woord "afzonderlijke" in de derde en vierde voorwaarde van de vereiste be- of verwerking van producten ingedeeld in hoofdstuk 19 in bijlage II bij Protocol 1 kan verschillend worden uitgelegd wat betreft het gehalte aan materialen van hoofdstuk 4 en het gehalte aan suiker. Om de regel te verduidelijken moet het woord "afzonderlijke" in beide gevallen worden geschrapt.

(7) Voor textielproducten ingedeeld in hoofdstuk 62 in bijlage II bij Protocol 1 moet een vermelding van de toegestane afwijkingen worden ingelast in de verschillende alternatieve regels van de kolom "vereiste be- of verwerking".

(8) Bijlage II bij Protocol 1 bij de overeenkomst moet derhalve worden gewijzigd,

HEEFT HET VOLGENDE BESLUIT VASTGESTELD:

Artikel 1

Bijlage II bij Protocol 1 bij de overeenkomst wordt gewijzigd overeenkomstig de bijlage bij dit besluit.

Artikel 2

Dit besluit treedt in werking op 1 januari 2024.

Gedaan in tweevoud in de Bulgaarse, de Deense, de Duitse, de Engelse, de Estse, de Finse, de Franse, de Griekse, de Hongaarse, de Italiaanse, de Kroatische, de Letse, de Litouwse, de Maltese, de Nederlandse, de Poolse, de Portugese, de Roemeense, de Sloveense, de Slowaakse, de Spaanse, de Tsjechische, de Zweedse en de Vietnamese taal, zijnde alle teksten gelijkelijk authentiek.

KOMITET DS. HANDLU,

uwzględniając Umowę o wolnym handlu między Unią Europejską a Socjalistyczną Republiką Wietnamu (zwaną dalej „umową"), w szczególności art. 36 ust. 1 protokołu 1 do niej oraz art. 17.1 ust. 3 lit. c) umowy,

a także mając na uwadze, co następuje:

(1) Art. 36 ust. 1 protokołu 1 do Umowy o wolnym handlu między Unią Europejską a Socjalistyczną Republiką Wietnamu (zwanej dalej „umową") stanowi, że Komitet ds. Celnych może dokonywać przeglądu postanowień protokołu 1 i przedkładać do przyjęcia przez Komitet ds. Handlu wniosek dotyczący decyzji w sprawie zmiany protokołu 1.

(2) Art. 17.4 ust. 1 umowy stanowi, że Komitet ds. Handlu ma podejmować wiążące decyzje w przypadkach przewidzianych w umowie.

(3) W dniach 1 stycznia 2017 r. oraz 1 stycznia 2022 r. wprowadzono zmiany w odniesieniu do nomenklatury regulowanej konwencją w sprawie zharmonizowanego systemu oznaczania i kodowania towarów (zwanej dalej „konwencją HS"). Strony umowy uzgodniły zmianę załącznika II do protokołu 1 zawierającego wykaz wymaganych procesów obróbki lub przetworzenia, tak aby odzwierciedlić zmiany w konwencji HS.

(4) Załącznik II do protokołu 1 nie zawiera warunku, aby wyroby dziane objęte pozycją 6212 były wystarczająco obrobione lub przetworzone. Reguła zawarta w dziale 62 załącznika II do protokołu 1 nie może być stosowana do tych wyrobów, ponieważ ogranicza się ona do artykułów „niedzianych". W związku z tym należy dodać szczególną regułę dotyczącą wyrobów dzianych objętych pozycją 6212.

(5) W w odniesieniu do produktów klasyfikowanych w dziale 41 załącznika II do protokołu 1 do odpowiedniej kolumny w tym załączniku należy dodać informacje o wymaganym procesie obróbki lub przetworzenia.

(6) Słowo „indywidualna" w trzecim i czwartym warunku wymaganego procesu obróbki lub przetworzenia produktów klasyfikowanych w dziale 19 załącznika II do protokołu 1 mogłoby być odmiennie interpretowane w odniesieniu do zawartości materiałów objętych działem 4 i do zawartości cukru. W celu doprecyzowania tej reguły w obu przypadkach należy skreślić słowo „indywidualna".

(7) W poszczególnych alternatywnych regułach kolumny dotyczącej warunków wymaganego procesu obróbki lub przetworzenia w odniesieniu do wyrobów włókienniczych klasyfikowanych w dziale 62 załącznika II do protokołu 1 należy dodać odniesienia do zakresów tolerancji.

(8) Należy zatem zmienić załącznik II do protokołu 1 do umowy,

PRZYJMUJE NINIEJSZĄ DECYZJĘ:

Artykuł 1

W załączniku II do protokołu 1 do umowy wprowadza się zmiany zgodnie z załącznikiem do niniejszej decyzji.

Artykuł 2

Niniejsza decyzja wchodzi w życie z dniem 1 stycznia 2024 r.

Sporządzono w dwóch egzemplarzach w językach: angielskim, bułgarskim, chorwackim, czeskim, duńskim, estońskim, fińskim, francuskim, greckim, hiszpańskim, litewskim, łotewskim, maltańskim, niderlandzkim, niemieckim, polskim, portugalskim, słowackim, słoweńskim, szwedzkim, rumuńskim, węgierskim, włoskim oraz wietnamskim, przy czym teksty w każdym z tych języków są jednakowo autentyczne.

O COMITÉ DE COMÉRCIO,

Tendo em conta o Acordo de Comércio Livre entre a União Europeia e a República Socialista do Vietname, nomeadamente o artigo 36.º, n.º 1, do Protocolo n.º 1 e o artigo 17.1, n.º 3, alínea c), do Acordo,

Considerando o seguinte:

(1) O artigo 36.º, n.º 1, do Protocolo n.º 1 do Acordo de Comércio Livre entre a União Europeia e a República Socialista do Vietname (o «Acordo») prevê que o Comité das Alfândegas pode rever as disposições do Protocolo n.º 1 e deverá apresentar uma proposta de decisão de alteração do Protocolo n.º 1, que deve ser adotada pelo Comité de Comércio.

(2) O artigo 17.4, n.º 1, do Acordo prevê que o Comité de Comércio pode adotar decisões vinculativas nos casos previstos no Acordo.

(3) Foram introduzidas, em 1 de janeiro de 2017 e em 1 de janeiro de 2022, alterações no que respeita à nomenclatura regida pela Convenção Internacional sobre o Sistema Harmonizado de Designação e de Codificação de Mercadorias («SH»). As Partes no Acordo acordaram em alterar o anexo II do Protocolo n.º 1, que contém a lista das operações de complemento de fabrico ou de transformação exigidas, a fim de refletir as alterações do SH.

(4) O anexo II do Protocolo n.º 1 não prevê qualquer condição para considerar os produtos de malha da posição 6212 como tendo sido objeto de operações de complemento de fabrico ou de transformação suficientes. A regra do capítulo 62 no anexo II do Protocolo n.º 1 não pode ser aplicada a esses produtos, uma vez que se limita aos produtos «exceto de malha». Por conseguinte, deverá ser aditada uma regra específica para os produtos de malha da posição 6212.

(5) A operação de complemento de fabrico ou de transformação exigida para os produtos classificados no capítulo 41 no anexo II do Protocolo n.º 1 deve ser aditada na coluna pertinente daquele anexo.

(6) O termo «individual» nas terceira e quarta condições das operações de complemento de fabrico ou de transformação exigidas para os produtos classificados no capítulo 19 no anexo II do Protocolo n.º 1 pode ser interpretado de forma diferente no que diz respeito ao teor de matérias do capítulo 4 e ao teor de açúcar. Para clarificar a regra, o termo «individual» deve ser suprimido em ambos os casos.

(7) Para os produtos têxteis classificados no capítulo 62 do anexo II do Protocolo n.º 1, as referências às tolerâncias devem ser inseridas nas várias regras alternativas da coluna de complemento de fabrico ou de transformação exigida.

(8) Por conseguinte, o anexo II do Protocolo n.º 1 do Acordo deverá ser alterado,

ADOTOU A PRESENTE DECISÃO:

Artigo 1.º

O anexo II do Protocolo n.º 1 do Acordo é alterado nos termos do anexo da presente decisão.

Artigo 2.º

A presente decisão entra em vigor em 1 de janeiro de 2024.

Feito em duplo exemplar, nas línguas alemã, búlgara, checa, croata, dinamarquesa, eslovaca, eslovena, espanhola, estónia, finlandesa, francesa, grega, húngara, inglesa, italiana, letã, lituana, maltesa, neerlandesa, polaca, portuguesa, romena, sueca e vietnamita, fazendo igualmente fé qualquer dos textos.

COMITETUL PENTRU COMERȚ,

având în vedere Acordul de liber schimb dintre Uniunea Europeană și Republica Socialistă Vietnam, în special articolul 36 alineatul (1) din Protocolul 1 și articolul 17.1 alineatul (3) litera (c) din acord,

întrucât:

(1) În temeiul articolului 36 alineatul (1) din Protocolul 1 la Acordul de liber schimb dintre Uniunea Europeană și Republica Socialistă Vietnam (denumit în continuare „acordul"),Comitetul pentru chestiuni vamale poate reexamina dispozițiile Protocolului 1 și poate prezenta o propunere de decizie de modificare a Protocolului 1, în vederea adoptării sale de către Comitetul pentru comerț.

(2) În temeiul articolului 17.4 alineatul (1) din acord, Comitetul pentru comerț adoptă decizii cu caracter obligatoriu în cazurile prevăzute de acord.

(3) La 1 ianuarie 2017 și la 1 ianuarie 2022 au fost introduse modificări în legătură cu nomenclatura reglementată prin Convenția privind sistemul armonizat de denumire și codificare a mărfurilor (SA). În scopul de a reflecta modificările aduse SA, părțile la acord au convenit să modifice anexa II la Protocolul 1, care conține lista prelucrărilor sau transformărilor necesare.

(4) În anexa II la Protocolul 1 nu există nicio condiție pentru a considera ca suficient prelucrate sau transformate articolele tricotate sau croșetate care figurează la poziția 6212. Regula prevăzută în capitolul 62 din anexa II la Protocolul 1 nu poate fi aplicată produselor respective, deoarece se limitează la articolele care nu sunt tricotate sau croșetate. Prin urmare, ar trebui adăugată o regulă specifică pentru articolele tricotate sau croșetate de la poziția 6212.

(5) Prelucrările sau transformările necesare pentru produsele clasificate la capitolul 41 din anexa II la Protocolul 1 urmează să fie adăugate la coloana corespunzătoare din anexa respectivă.

(6) Cuvântul „individual" din a treia şi a patra condiţie a prelucrărilor sau transformărilor necesare pentru produsele clasificate la capitolul 19 din anexa II la Protocolul 1 ar putea fi interpretat diferit în ceea ce priveşte conţinutul de materiale de la capitolul 4 şi conţinutul de zahăr. Pentru a clarifica regula, cuvântul „individual" urmează să fie eliminat în ambele cazuri.

(7) În ceea ce priveşte produsele textile clasificate la capitolul 62 din anexa II la Protocolul 1 ar trebui să se introducă o trimitere la „toleranţă" în coloana privind prelucrările sau transformările necesare în diversele reguli alternative.

(8) Prin urmare, anexa II la Protocolul 1 la acord ar trebui modificată,

ADOPTĂ PREZENTA DECIZIE:

Articolul 1

Anexa II la Protocolul 1 la acord se modifică în conformitate cu anexa la prezenta decizie.

Articolul 2

Prezenta decizie intră în vigoare la 1 ianuarie 2024.

Întocmită în dublu exemplar în limbile bulgară, cehă, croată, daneză, engleză, estonă, finlandeză, franceză, germană, greacă, maghiară, italiană, letonă, lituaniană, malteză, olandeză, polonă, portugheză, română, slovacă, slovenă, spaniolă, suedeză şi vietnameză, fiecare text fiind în egală măsură autentic.

VÝBOR PRE OBCHOD,

so zreteľom na Dohodu o voľnom obchode medzi Európskou úniou a Vietnamskou socialistickou republikou, a najmä na článok 36 ods. 1 protokolu 1 k dohode a článok 17.1 ods. 3 písm. c) dohody,

keďže:

(1) V článku 36 ods. 1 Protokolu 1 k Dohode o voľnom obchode medzi Európskou úniou a Vietnamskou socialistickou republikou (ďalej len „dohoda“) sa stanovuje, že Výbor pre clá môže preskúmať ustanovenia protokolu 1 a predložiť návrh rozhodnutia na zmenu protokolu 1, ktorý má prijať Výbor pre obchod.

(2) V článku 17.4 ods. 1 dohody sa stanovuje, že Výbor pre obchod môže prijímať záväzné rozhodnutia v prípadoch stanovených v dohode.

(3) V nomenklatúre, ktorá sa riadi Dohovorom o harmonizovanom systéme opisu a číselného označovania tovaru (ďalej len „HS“), boli 1. januára 2017 a 1. januára 2022 zavedené zmeny. Zmluvné strany dohody sa dohodli na zmene prílohy II k protokolu 1 obsahujúcej zoznam požadovaného opracovania alebo spracovania s cieľom zohľadniť zmeny HS.

(4) V prílohe II k protokolu 1 nie je stanovená žiadna podmienka na to, aby sa pletené alebo háčkované výrobky položky 6212 považovali za dostatočne opracované alebo spracované. Pravidlo 62. kapitoly v prílohe II k protokolu 1 nemožno na uvedené výrobky uplatňovať, pretože sa obmedzuje na nepletené alebo neháčkované výrobky. Preto by sa malo doplniť osobitné pravidlo pre pletené alebo háčkované výrobky položky 6212.

(5) Požadované opracovanie alebo spracovanie výrobkov zatriedených do 41. kapitoly v prílohe II k protokolu 1 sa má doplniť do príslušného stĺpca uvedenej prílohy.

(6) Slovo „jednotlivá“ v tretej a štvrtej podmienke požadovaného opracovania alebo spracovania výrobkov zatriedených do 19. kapitoly v prílohe II k protokolu 1 by sa mohlo vykladať odlišne, pokiaľ ide o obsah materiálov 4. kapitoly a obsah cukru. Na objasnenie pravidla sa slovo „jednotlivá“ má v oboch prípadoch vypustiť.

(7) Odkaz na tolerancie pre textilné výrobky zatriedené do 62. kapitoly v prílohe II k protokolu 1 by sa mal vložiť do rôznych alternatívnych pravidielstĺpca týkajúceho sa podmienok požadovaného opracovania alebo spracovania.

(8) Príloha II k protokolu 1 k dohode by sa preto mala zmeniť,

PRIJAL TOTO ROZHODNUTIE:

Článok 1

Príloha II k protokolu 1 k dohode sa mení tak, ako sa stanovuje v prílohe k tomuto rozhodnutiu.

Článok 2

Toto rozhodnutie nadobúda účinnosť 1. januára 2024.

Vyhotovené dvoch pôvodných vyhotoveniach v anglickom, bulharskom, českom, dánskom, estónskom, fínskom, francúzskom, gréckom, holandskom, chorvátskom, litovskom, lotyšskom, maďarskom, maltskom, nemeckom, poľskom, portugalskom, rumunskom, slovenskom, slovinskom, španielskom, švédskom, talianskom a vietnamskom jazyku, pričom každé znenie je rovnako autentické.

ODBOR ZA TRGOVINO JE –

ob upoštevanju Sporazuma o prosti trgovini med Evropsko unijo in Socialistično republiko Vietnam in zlasti člena 36(1) Protokola 1 k Sporazumu in člena 17.1(3), točka (c), Sporazuma,

ob upoštevanju naslednjega:

(1) Člen 36(1) Protokola 1 k Sporazumu o prosti trgovini med Evropsko unijo in Socialistično republiko Vietnam (v nadaljnjem besedilu: Sporazum) določa, da Odbor za carino lahko pregleda določbe Protokola 1 in predloži predlog sklepa o spremembi Protokola 1, ki ga sprejme Odbor za trgovino.

(2) Člen 17.4(1) Sporazuma določa, da Odbor za trgovino lahko sprejme zavezujoče sklepe, če je tako določeno v Sporazumu.

(3) Spremembe nomenklature, ki jo ureja Konvencija o harmoniziranem sistemu poimenovanj in šifrskih oznak blaga (v nadaljnjem besedilu: HS), so bile uvedene 1. januarja 2017 in 1. januarja 2022. Pogodbenici Sporazuma sta se dogovorili o spremembi Priloge II k Protokolu 1, ki vsebuje seznam zahtevane obdelave ali predelave, da se upoštevajo spremembe HS.

(4) Priloga II k Protokolu 1 ne vsebuje pogoja za to, da bi se pleteni ali kvačkani izdelki iz tarifne številke 6212 šteli za zadosti obdelane ali predelane. Pravila iz poglavja 62 v Prilogi II k Protokolu 1 ni mogoče uporabiti za te izdelke, ker je omejeno na nepletene ali nekvačkane izdelke. Zato bi bilo treba dodati posebno pravilo za pletene ali kvačkane izdelke iz tarifne številke 6212.

(5) Zahtevana obdelava ali predelava izdelkov, uvrščenih v poglavje 41 v Prilogi II k Protokolu 1, se doda v ustreznem stolpcu v navedeni prilogi.

(6) Besedo „individualna“ v tretjem in četrtem pogoju zahtevane obdelave ali predelave izdelkov, uvrščenih v poglavje 19 v Prilogi II k Protokolu 1 bi se lahko glede vsebnosti materialov iz poglavja 4 in vsebnosti sladkorja razlagalo na različne načine. Za pojasnitev pravila bi bilo treba v obeh primerih črtati besedo „individualna“.

(7) Za tekstilne izdelke, uvrščene v poglavje 62 v Prilogi II k Protokolu 1, bi bilo treba vstaviti sklicevanje na dovoljena odstopanja v različnih alternativnih pravilih zahtevanega stolpca obdelave ali predelave.

(8) Prilogo II k Protokolu 1 k Sporazumu bi bilo zato treba spremeniti –

SPREJEL NASLEDNJI SKLEP:

Člen 1

Priloga II k Protokolu 1 k Sporazumu se spremeni, kot je določeno v Prilogi k temu sklepu.

Člen 2

Ta sklep začne veljati 1. januarja 2024.

Sestavljeno v dveh izvodih v angleškem, bolgarskem, češkem, danskem, estonskem, finskem, francoskem, grškem, hrvaškem, italijanskem, latvijskem, litovskem, madžarskem, malteškem, nemškem, nizozemskem, poljskem, portugalskem, romunskem, slovaškem, slovenskem, španskem, švedskem in vietnamskem jeziku, pri čemer so besedila v vseh navedenih jezikih enako verodostojna.

HANDELSKOMMITTÉN HAR ANTAGIT DETTA BESLUT

med beaktande av frihandelsavtalet mellan Europeiska unionen och Socialistiska republiken Vietnam, särskilt artikel 36.1 i protokoll 1 och artikel 17.1.3 c, och

av följande skäl:

(1) Enligt artikel 36.1 i protokoll 1 till frihandelsavtalet mellan Europeiska unionen och Socialistiska republiken Vietnam (avtalet), får tullkommittén se över bestämmelserna i protokoll 1 och lägga fram ett förslag till beslut om ändring av protokoll 1 som ska antas av handelskommittén.

(2) Enligt artikel 17.4.1 i avtalet får handelskommittén anta bindande beslut när så föreskrivs i avtalet.

(3) Ändringar gjordes den 1 januari 2017 och den 1 januari 2022 i förhållande till den nomenklatur som regleras av konventionen om systemet för harmoniserad varubeskrivning och kodifiering (HS). Parterna i avtalet har enats om att, i syfte att återspegla ändringarna av HS, ändra bilaga II till protokoll 1 som innehåller förteckningen över bearbetning eller behandling som ska utföras.

(4) Det finns inget villkor i bilaga II till protokoll 1 för när trikåvaror enligt nr 6212 ska anses vara tillräckligt bearbetade eller behandlade. Regeln i kapitel 62 i bilaga II till protokoll 1 kan inte tillämpas på dessa produkter, eftersom den är begränsad till produkter av annan textilvara än trikå. Därför bör en särskild regel läggas till för trikåvaror enligt nr 6212.

(5) Den bearbetning eller behandling som ska utföras för produkter som klassificeras i kapitel 41 i bilaga II till protokoll 1 ska läggas till i den relevanta kolumnen i den bilagan

(6) Ordet ”individuella” i det tredje och det fjärde villkoret för den bearbetning eller behandling som ska utföras av produkter som klassificeras i kapitel 19 i bilaga II till protokoll 1, skulle kunna tolkas på olika sätt vad gäller innehållet i material enligt kapitel 4 och innehållet i socker. För att förtydliga regeln ska ordet ”individuella” strykas i båda fallen.

(7) För textilprodukter som klassificeras i kapitel 62 i bilaga II till protokoll 1 bör referenser till toleranser införas i de olika alternativa reglerna i kolumnen för den bearbetning eller behandling som ska utföras.

(8) Bilaga II till protokoll 1 till avtalet bör därför ändras.

HÄRIGENOM FÖRESKRIVS FÖLJANDE.

Artikel 1

Bilaga II till protokoll 1 till avtalet ska ändras i enlighet med bilagan till det här beslutet.

Artikel 2

Detta beslut träder i kraft den 1 januari 2024.

Detta avtal är upprättat i två exemplar på de bulgariska, danska, engelska, estniska, finska, franska, grekiska, italienska, kroatiska, lettiska, litauiska, maltesiska, nederländska, polska, portugisiska, rumänska, slovakiska, slovenska, spanska, svenska, tjeckiska, tyska, ungerska och vietnamesiska språken, vilka alla texter är lika giltiga.

Thực hiện tại Brussels và Hà Nội, ngày	16/1/2024
Съставено в Брюксел и Ханой на	16/1/2024
V Bruselu a Hanoji dne	16/1/2024
Udfærdiget i Bruxelles og Hanoi, den	16/1/2024
Brüssel und Hanoi, den	16/1/2024
Βρυξέλλες και Ανόι,	16/1/2024
Done at Brussels and Hanoi,	16/1/2024
Hecho en Bruselas y Hanoi, el	16/1/2024
Brüssel ja Hanoi,	16/1/2024
Tehty Brysselissä ja Hanoissa	16/1/2024
Fait à Bruxelles et à Hanoï, le	16/1/2024
Sastavljeno u Bruxellesu i Hanoiju	16/1/2024
Kelt Brüsszelben és Hanoiban,	16/1/2024
Fatto a Bruxelles e a Hanoi,	16/1/2024
Priimta Briuselyje ir Hanojuje	16/1/2024
Briselē un Hanojā,	16/1/2024
Magħmul fi Brussell u f'Hanoi,	16/1/2024
Gedaan te Brussel en Hanoi, op	16/1/2024
Sporządzono w Brukseli i Hanoi	16/1/2024
Feito em Bruxelas e em Hanói, em	16/1/2024
Adoptată la Bruxelles și Hanoi,	16/1/2024
V Bruseli a Hanoji	16/1/2024
V Bruslju in Hanoju,	16/1/2024
Utfärdat i Bryssel och Hanoi den	16/1/2024

Thay mặt Ủy ban Thương mại

Đồng Chủ tọa

За Комитета по търговията

Съпредседатели

Za Výbor pro obchod

spolupředsedové

På Handelsudvalgets vegne

Formænd

Für den Handelsausschuss

Die Ko-Vorsitzenden

Για την επιτροπή εμπορίου

Οι Συμπρόεδροι

For the Trade Committee

The Co-Chairs

Por el Comité de Comercio

Los Copresidentes

Kaubanduskomitee nimel

kaaseesistujad

Kauppakomitean puolesta

Puheenjohtajat

Par le comité "Commerce"

La coprésidence

Za Odbor za trgovinu

Supredsjedatelji a Kereskedelmi Bizottság részéről

a társelnökök

Per il comitato per il commercio

I copresidenti

Prekybos komiteto vardu

Bendrapirmininkiai

Tirdzniecības komitejas vārdā —

līdzpriekšsēdētāji

Għall-Kumitat għall-Kummerċ

Il-Kopresidenti

Voor het Handelscomité

De medevoorzitters

W imieniu Komitetu ds. Handlu

Współprzewodniczący

Pelo Comité de Comércio

Os Copresidentes

Pentru Comitetul pentru comerț

Copreședinții

Za Výbor pre obchod

spolupredsedovia/spolupredsedníčky

Za Odbor za trgovino

sopredsednika

För handelskommittén

Medordförandena

PHỤ LỤC

Phụ lục II của Nghị định thư số 1 được sửa đổi như sau:

(1) tại dòng liên quan đến nhóm '0305', nội dung trong cột 'Mô tả hàng hóa' được thay thế được thay thế bằng nội dung sau:

'cá, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; cá hun khói, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói;';

(2) tại dòng liên quan đến nhóm 'ex 0306', nội dung trong cột 'Mô tả hàng hóa' được thay thế được thay thế bằng nội dung sau:

'Động vật giáp xác, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật giáp xác hun khói, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói; động vật giáp xác chưa bóc mai, vỏ, đã hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đã hoặc chưa ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối, hoặc ngâm nước muối;';

(3) tại dòng liên quan đến nhóm 'ex 0307', nội dung trong cột 'Mô tả hàng hóa' được thay thế được thay thế bằng nội dung sau:

'động vật thân mềm, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thân mềm hun khói, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói;';

(4) tại dòng liên quan đến nhóm 'ex 0308', nội dung trong cột 'Mô tả hàng hóa' được thay thế được thay thế bằng nội dung sau:

'động vật thủy sinh không xương sống trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thủy sinh không xương sống hun khói trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói; và';

(5) dòng sau đây được chèn thêm vào giữa dòng liên quan đến nhóm 'ex 0308' và dòng liên quan đến 'ex Chương 4':

'0309	Bột mịn, bột thô và viên của cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, thích hợp dùng làm thức ăn cho người	Sản xuất trong đó tất cả các nguyên liệu thuộc Chương 3 có xuất xứ thuần túy';

(6) tại dòng liên quan đến 'ex Chương 15', nội dung trong cột 'Mô tả hàng hóa' được thay thế được thay thế bằng nội dung sau:

Chất béo và dầu có nguồn gốc từ động vật, thực vật hoặc vi sinh vật và các sản phẩm tách từ chúng; chất béo ăn được đã chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật; ngoại trừ:';

(7) tại dòng liên quan đến nhóm '1516 và 1517', nội dung trong cột 'Mô tả hàng hóa' được thay thế được thay thế bằng nội dung sau:

'Chất béo và dầu động vật, thực vật hoặc vi sinh vật và các phần phân đoạn của chúng, đã qua hydro hóa, este hóa liên hợp, tái este hóa hoặc elaiđin hóa toàn bộ hoặc một phần, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng chưa chế biến thêm;

margarin; các hỗn hợp hoặc các chế phẩm ăn được của chất béo hoặc dầu động vật, thực vật hoặc vi sinh vật hoặc các phần phân đoạn của các loại chất béo hoặc dầu khác nhau thuộc Chương này, trừ chất béo và dầu hoặc các phần phân đoạn của chúng ăn được thuộc nhóm 1516; và';

(8) tại dòng liên quan đến 'Chương 16', nội dung trong cột 'Mô tả hàng hóa' được thay thế được thay thế bằng nội dung sau:

'Các chế phẩm từ thịt, cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác, hoặc từ côn trùng.';